**UNIT 5 : HIGHER EDUCATION**

**A. READING**

- **apply for** a job (v): nộp đơn (xin việc)

**- apply to** s.o nộp đơn đến ai

- application (n): sự áp dụng, đơn xin

- application form: mẫu đơn, đơn

- applicant (n) /’æplikənt/: ứng viên xin việc…….

**- talk to s.o about s.th** nói với ai về việc gì…….

- campus ( ) sân trường ĐH….

- walk around : ( ) đi bộ dọc theo………………….

**- impress on** (v) : gây ấn tượng……………….

- impression (n): sự ấn tượng………………….

- impressive (a) : có ấn tượng……………….

- impressively (adv): …………………………….

- notice ( ) thấy…………………………….

- exist ( ) : tồn tại, có mặt……………….

- existence……………….. (n) : sự tồn tại

- back tear : gượng không bật khóc

- lonely (a) - loneliness (n) cô đơn…………………………….

- run back : chạy về…………………………….

- degree Celsius : độ C…………………………….

- midterm ( ) giữa kỳ…………………………….

**- blame s.th on s.o**  …đổ lỗi cho ai……….

**- blame s.o for s.th** …………………………….

- daunting ( ) = disappointing (a) thất vọng…………………………….

**- graduate from** : ( ) tốt nghiệp…………….

**- amaze at :** ( ) làm ngạc nhiên………………….

- scary ( ) sợ…………………………….

- project ( ) đề án, dự án……………….

- ‘challenge ( ) thách thức………….

- create ( ) : tạo ra…………………………….

- cre’ative ( ): sáng tạo…………………………….

- ……………….. (adv): một cách sáng tạo

- crea’tivity ( ): …………………………….

- ‘creature ( ): sự tạo ra…………………………….

- know ( ) biết…………………………….

- knowledge ( ) iến thức…………………………….

- knowledgeable (a): thông thạo

- chance = opportunity ( ) cơ hội…………………………….

- ‘probably ( ) có thể…………………………….

- aca’demic (a): hàn lâm, học thuật…………….

- academically (adv): …………………………….

- academician: ( ) nhà hàn lâm…………….

- advance ( ): tiên tiến…………………………….

- advancement ( ): sự tiên tiến……………….

**- be aware of** ( ): nhận thức được……………….

- awareness( ): sự nhận th7c1………………….

- engi’neer ( ): kỷ sư…………………………….

- engineering ( ): nghề kỷ sư………………….

- non-engineering ( ): không phải nghề kỷ…………….

- mate ( ) bạn…………………………….

- undergraduate course ( ) khóa học đại học

- inflation ( ) sự lạm phát…………….

- calendar ( n) lịch…………………………….

**- on behalf of :** thay mặt , nhân danh , đại diện cho

**- order of preference** : thứ tự ưu tiên

**-take part in = participate in = join** : tham gia …………………………….

**-divide into**: chia ra…………………………….

-**at the end of** : ở cuối…………………………….

**-depend on** lệ thuộc vào……………….

**-get on well with :** have a good relationship with có quan hệ tốt…………….

**- excited about** hào hứng…………………………….

**- fill in** (a form) điền vào…………………………….

**- different from** khác với……………………………

**- be used to + V-ing = get used to + V-ing** quen với…………………………….

**- be busy + V-ing** bận…………………………….

**- seem + to V1 dường như**…………………

**LANGUAGE FOCUS**

**A/.PRONUNCIATION :**

**a/.Từ có 3 âm tiết:**

- Những từ có hậu tố là: **-ade, -ee, -ese, -ette, -ique, -eer, -ain** thì trọng âm chính rơi vào **ngay âm tiết đó**

Ex: lemo’nade, ciga’rette, Vietna’mese, enter’tain …

- Âm tiết **liền trước** các hậu tố **-tion**, thường nhận trọng âm

Ex:, trans’lation

- Từ tận cùng bằng **–ate** thường đặt ở **âm thứ 3 tính từ cuối**

Ex: ‘generate, cer’tificate, cong’ratulate

**b/.Từ có 3 âm tiết trở lên:**

- Những từ tận cùng bằng các hậu tố **-ic, -ual, -ian, -ical, -ity, -graphy, -ics, -logy** âm tiết **liền trước** nó thường nhận trọng âm

Ex: eco’nomic, intel’lectual, mathema’tician, poli’tician, eco’nomical, uni’versity, ge’ography, mathe’matics soci’ology

- Trọng âm đặt ở âm **thứ 2** trước các hậu tố **-ize, -ary**

Ex: ‘modernize, ‘dictionary, i’maginary

***B/.* CONDITIONAL SENTENCES (Câu điều kiện)**

**1/. Các loại câu điều kiên :**

**- Loại 1:** Chỉ điều kiện có thể xảy ra ở hiện tại, tương lai **: tomorrow, next, in the future , will ,shall, won’t , shan’t**

**If + S + am,is, are + O , S + will / shall / can + V1 + O**

**+ V1/ Vs/es won’t / can’t + V1**

**+ don’t + V1 , V +O / Don’t +V +O**  *(mệnh lệnh)*

**+ doesn’t + V1 , S + V1/ Vs/es** *(chân lý)*

**, S + should + V1** *(lời khuyên)*

**, must + V1** *(sự bắt buộc)*

Ex: If he (have )…………….. enough money , he will buy that house

**- Loại 2:** Chỉ điều kiện không có thật ở hiện tại: **am, is, are, V1, Vs/es / don’t +V1/ doesn’t +V1 , now , today**

**If + S + were / weren’t +O , S + would / could + V1**

**V2/ Ved**

**didn’t + V1 wouldn’t / couldn’t + V1**

Ex: If I were you , I ( help)………………………………. her.

**- Loại 3:** Chỉ điều kiện không có thật ở quá khứ: **yesterday , last week, ago, was, were, V2/ Ved, didn’t + V1…… )**

**If S + had + V3/ed +O, S + would / should + have + V3/ed**

**hadn’t + V3/-ed wouldn’t / shouldn’t + have + V3/ed**

Ex: If he (come) ………………..here early , he would have met her

**Note :**

- Unless = if …………not

- or = if……………not

- without = if ……. not

Ex: Hurry up or you will be late for school

🡪 If …………………………………………………………..

🡪 Unless …………….……………………………………….

**\* Cách đổi từ If → unless**

|  |  |
| --- | --- |
| **If** | **Unless** |
| Khẳng định | Khẳng định (mệnh đề chính đổi thể) |
| Phủ định | Khẳng định (mệnh đề chính không đổi) |

Ex: If he doesn’t study hard, he will fail the exam

🡪 Unless he ………………………………………………………………………

**2/. Dạng nhấn mạnh mệnh đề if**

Muốn nhấn mạnh mệnh đề if ta chỉ cần bỏ if và đảo ngữ ở mệnh đề if ( Giống dạng câu hỏi nhưng không có dấu chấm hỏi)

**- Loại 1:**

**If + S + am/ is/ are +O , S’ll +V1 +O**

**🡪 Am/Is/ Are + S +O , S + will +V1 +O**

**If + S + V1 / Vs/es +O , S’ll +V1 +O**

* **Do / Does +S +V1 +O , S +will +V1 +O**

**🡪 Should + S + V1, S +will +V1 +O**

EX : If he keeps his feet dry , he won’t be sick .

🡪 ……………………………………………………………

**- Loại 2:**

**If +S + were +O , S+ would + V1 +O** EX: If I were you , I would help her .

**🡪 Were I you , S + would +V1 + O** 🡪 ……………………………..

**If +S + V2/ V ed +O , S + would + V1 +O**

**🡪 Did + S + V1 + O , S+ would +V1 +O**

**- Loại 3:**

**If + S + had +V3/ed +O , S+ would + have + V3/ed + O**

**🡪 Had +S +V3/ed +O , S + would + have + V3/ed + O**

EX : If he had come here he would have had great fun

🡪………………………………………………………………..

**3/. Cách đổi từ câu tình huống sang câu điều kiện :**

* **Open condition: Khi hai câu tình huống đều ở tương lai (will/ shall/ won’t/ shan’t / tomorrow, next / in the future ….. ) ta nối câu dùng điều kiện loại I .**

**Ex1:** He’ll come here .He’ll meet her .

🡪 ……………………………………………………………………………………..

**Ex2:** They will study hard .They will pass the exam.

**🡪** ………………………………………………………………………………………

**Ex3:** She won’t have time .She won’t visit us .

🡪……………………………………………………………………………………..

**EX4 :** They won’t visit her .She will be sad .

🡪……………………………………………………………………………………

* **Present unreal condition :**

**-Khi hai câu tình huống có liên quan đến hiện tại** ( now, today , am,is,are, V1,Vs/es , don’t, doesn’t ) ta đổi thành điều kiện loại II .Phải đổi từ phủ sang khẳng và ngược lại .

**EX5:** He isn’t here . He doesn’t have good fun

🡪…………………………………………………………………………………

* **Past unreal :**

- Khi câu tình huống có liên quan đến quá khứ ( yesterday / last/ ago /was/were/V2/ed / didn’t + V1) ta đổi thành điều kiện loại III .Phải đổi từ phủ sang khẳng và ngược lai .

**EX6:** He didn’t study hard . He got bad marks .

🡪……………………………………………………………………

**NOTE: Trong câu điều kiện hổn hợp ,ta có thể dùng vế if ở loại III ( Xẩy ra trong QK ) ,với mệnh đề chính loại II (Kết quả còn ở HT )**

Ex7: He stayed up late last night. He is tired now.

🡪 ………………………………………………………………………………….

**VOCABULARY**

***Choose the best word/ phrase to complete each of the following sentences***

1. Sarah lived \_\_\_\_\_\_\_ campus in her first year at college.

A. in B. on C. at C. into

1. Whenever something goes wrong, everyone \_\_\_\_\_\_\_\_ it on me.

A. blames B. charges C. insists D. accuses

1. After Mike graduated \_\_\_\_\_\_\_ the University of Harvard, his uncle gave him a job as a lawyer.

A. with B. to C. at D. from

1. Sorry, I can’t go with you. I’m busy \_\_\_\_\_\_\_my homework.

A. doing B. to do C. do D. done

1. They didn’t take \_\_\_\_\_\_\_in the trip because they were busy.

A. part B. role C. park D. time

1. I can’t never \_\_\_\_\_\_at home when I stay at his house.

A. make B. feel C. think D. do

1. You shouldn’t have lights \_\_\_\_\_\_\_\_when sleeping.

A. from B. for C. on D. at

1. Kate has a lot of friends. She \_\_\_\_\_\_\_\_friends easily.

A. brings B. takes C. catches D. makes

1. Shelly shares a room with me. She is my \_\_\_\_\_\_\_\_.

A. classmate B. roommate C. schoolmate D. workmate

1. They provide food and clothes \_\_\_\_\_\_\_ poor children in rural areas every year.

A. to B. for C. on D. with

1. Kate was amazed \_\_\_\_\_\_\_Jack’s generosity.

A. about B. in C. at D. for

1. I don’t have to explain \_\_\_\_\_\_my parents where I was last night.

A. to B. with C. for D. about

1. My son is scared \_\_\_\_\_\_\_\_\_being alone at home.

A. for B. of C. by D. with

1. I usually feel \_\_\_\_\_\_\_\_when I have no one to confide in.

A. alone B. scared C. busy D. lonely

1. Oh, my God. This is really \_\_\_\_\_\_\_.

A. amaze B. amazing C. amazingly D. amazed

1. These activities gave me chances to use my \_\_\_\_\_\_\_\_.

A. create B. creation C. creative D. creativity

1. She is very \_\_\_\_\_\_\_\_. She writes poetry and paints.

A. created B. creative C. creator D. creation

1. You should \_\_\_\_\_\_\_\_ immediately, in person or by letter.

A. applications B. application C. apply D. application

1. There were over 100 \_\_\_\_\_\_\_\_\_ for the marketing manager’s post.

A. applications B. application C. apply D. application

1. This policy can encourage the \_\_\_\_\_\_\_\_of new markets overseas.

A. creator B. creative C. creation D. creativity

***Choose the best word/ phrase to complete each of the following sentences:***

1. The children do not go to the circus, so they cannot see the performing animals.

A. If the children went to the circus, they could see the performing animals.

B. If the children go to the circus, they can see the performing animals.

C. Unless the children go to the circus, they cannot see the performing animals.

D. If the children saw the performing animals, they would go to the circus.

1. He couldn’t score any goals because he was so tired.

A. If he was so tired, he couldn’t score any goals.

B. If he wasn’t so tired, he could score some goals

C. If he had been so tired, he couldn’t have scored any goals.

D. If he hadn’t been so tired, he could have scored some goals.

1. Because he is ill, he will not participate in the match.

A. If he won’t be ill, he will participate in the match.

B. If he were ill, he wouldn’t participate in the match.

C. He is ill, so he won’t participate in the match.

D. If he participated in the match, he would be ill.

1. He’ll die if nobody brings him to hospital.

A. Unless somebody brings him to hospital, he’ll die.

B. He won’t die unless nobody brings him to hospital.

C. he dies because nobody brings him to hospital.

D. Nobody brought him to hospital, so he died.

1. Unless you tell me the whole story, I won’t be able to help you.

A. If you tell me the whole story, I will be able to help you.

B. I couldn’t help you because you didn’t tell me the whole story.

C. You didn’t tell me the whole story, so I couldn’t help you

D. If you didn’t tell me the whole story, I wouldn’t be able to help you.

1. If you hadn’t warned me, I would have fallen into the same trap as you.

A. You hadn’t warned me because I would have fallen into the same trap as you.

B. You had warned me, so I didn’t fall into the same trap as you.

C. You hadn’t warned, so I fell into the same trap as you.

D. Unless you hadn’t warned me, I would have fallen into the same trap as you.

1. She could have stolen the jewels if she had had inside help.

A. She stole the jewels because she had inside help.

B. She had inside help, so she stole the jewels.

C. Unless she had inside help, she couldn’t steal the jewels

D. She didn’t have inside help, so she couldn’t steal the jewels.

1. I will take the job if the salary is high.

A. I won’t take the job if the salary is low.

B. I will take the job because the salary is high.

C. The salary is high, so I’ll take the job.

D. I will take the job unless the salary is high.

1. He didn’t take the trip last week, so he didn’t see many beautiful sights.

A. If he didn’t take the trip last week, he wouldn’t see many beautiful sights.

B. If he took the trip last week, he would see many beautiful sights.

C. He would have seen many beautiful sight if he had taken the trip last week.

D. He saw many beautiful sights because he took the trip last week.

1. If I didn’t get held up in the traffic, I could come in time.

A. I got held up in the traffic, so I couldn’t come in time.

B. I’m getting held up in the traffic, so I cannot come in time.

C. Unless I got held up in the traffic, I couldn’t come in time.

D. I couldn’t come in time because I got held up in the traffic.

1. Go away or he’ll change his mind.

A. If you go away, he’ll change his mind.

B. Unless you go away, he will change his mind.

C. He will change his mind because you go away.

D. You shouldn’t go away because he will change his mind.

1. If you don’t give me some money, I’ll kill her.

A. Give me some money or I’ll kill her.

B. Kill her or you’ll give me some money.

C. Unless you kill her, I’ll kill her.

D. Because I’ll kill her, you must give me some money.

1. Keep silent or you’ll wake the baby up.

A. You’ll wake the baby up if you keep silent.

B. If you don’t keep silent, the baby will wake up.

C. Unless you wake the baby up, I’ll keep silent.

D. Because you keep silent, the baby will wake up.

1. If I were taller, I could reach the top shelf.

A. I am not tall enough to reach the top shelf.

B. I am too tall to reach the top shelf.

C. I can reach the top shelf because I am very tall

D. In spite of being tall, I can’t reach the top shelf.

1. They spent a week in the countryside; therefore, they learnt a lot about country life.

A. If they hadn’t spent a week in the countryside, they couldn’t have learnt much about country life.

B. They learnt a lot about country life because they didn’t spend a week in the countryside.

C. They couldn’t learn much about country life if they didn’t spend a week in the countryside.

D. Unless they had spent a week in the countryside, they could have learnt a lot about the country life.

### Viết lại các câu sau theo cấu trúc câu điều kiện

1. She cannot cook because she feels very tired today.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

2. He was so timid in love, so he lost her.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3. Jane helps me survey the market, so I plan to share a commission with her.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

4. You cannot understand me because you are a rich man.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

5. Tim drinks too much alcohol every day, that’s why he is hospitalized for treatment.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

6. Kate likes K-pop music, so she spends the money to buy tickets for the concert.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

7. He has many beloved girls, that’s why he becomes so arrogant.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

8. My health improves better because I exercise daily.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

9. I didn’t eat dinner with everyone, so I feel very hungry now.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

10. He got fired because he was too lazy.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

11. Stay away from this place or I’ll report the area’s security.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

12. You always complain about everything that happens in your life, that’s why I never want to work in a team with you.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

13. Follow the instructions or you will ruin everything.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

14. People will not go camping in this stormy weather.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

15. I love art, that’s why I organized this exhibition.  
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------